|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**  **THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI**

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025, TẦM NHÌN 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày / /2020*

*của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)*

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Toàn cầu hóa là một tất yếu phát triển của thế giới hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh thế giới bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đã và đang tạo ra sự thay đổi đặc biệt lớn trong tất cả lĩnh vực đời sống. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội đối với các trường đại học. Trong đó, trước hết là thách thức của việc đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và nền kinh tế đối với nguồn nhân lực trình độ cao. Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội không chỉ đòi hỏi nguồn nhân lực có số lượng lớn, mà còn đòi hỏi chất lượng cao. Xã hội và người học sẽ nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội, nhu cầu người học.

Nhu cầu đào tạo một số loại hình giáo viên giảm mạnh, cũng đang là một thách thức lớn, bởi có nhiều trường đại học trong nước và trong vùng tham gia đào tạo giáo viên. Cả nước hiện có 113 cơ sở đào tạo giáo viên (trường sư phạm) gồm: 14 trường đại học sư phạm, 48 trường đại học đa ngành có đào tạo sư phạm, 30 trường cao đẳng sư phạm, 19 trường cao đẳng đa ngành có đào tạo sư phạm và 02 trường trung cấp sư phạm. Do một thời gian dài, việc nâng cấp và mở mới dẫn đến hệ thống các trường sư phạm phân bố dàn trải, nguồn lực bị phân tán; Một số trường sư phạm có các khoa đào tạo thực hiện nhiệm vụ trùng với nhiệm vụ chủ chốt của trường gây nên sự chồng chéo, ảnh hưởng trực tiếp việc thu hút sinh viên.

Bên cạnh đó, thách thức về nguy cơ không thu hút được giảng viên giỏi, bởi dưới tác động của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa, nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao đang chảy mạnh từ các nước đang phát triển sang các nước công nghiệp phát triển. Ở trong nước, xu hướng đó đang xảy ra theo hướng từ các trường đại học đóng trên địa bàn khó khăn sang các trường đại học ở các thành phố lớn, sang các doanh nghiệp, đặc biệt đối với đội ngũ giảng viên trong các lĩnh vực công nghệ cao và ngành kinh tế mũi nhọn. …

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập thực có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng giáo viên thể dục cho các trường sư phạm, các trường đại học, cao đẳng và các trường phổ thông trong cả nước; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; Đào tạo cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội; Bồi dưỡng cán bộ giáo viên giáo dục thể chất cho các trường phổ thông.

Vì vậy việc xác định mục tiêu và đề ra giải pháp phát triển nhà trường trong thời gian tới là hết sức cần thiết và quan trọng, tạo cơ sở khoa học cho thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường đi đúng hướng và đảm bảo phát triển phù hợp với thực tiễn đất nước nói chung và của ngành nói riêng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Do đó việc xây dựng “Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” là hết sức cần thiết và cấp bách, đó là căn cứ, là cơ sở để nhà trường và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

**Chương I**

**NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC**

**I. Căn cứ xây dựng Đề án**

Nghị quyết số 29-NQ/TW “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018.

Luật thể dục, thể thao ngày 29/11/2006.

Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị quyết về phát triển khoa học và công nghệ (Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012).

Nghị định số [11/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/nghi-dinh-11-2015-nd-cp-giao-duc-the-chat-hoat-dong-the-thao-trong-nha-truong-265320.aspx) ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

Quyết định số [2160/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/quyet-dinh-2160-qd-ttg-nam-2013-quy-hoach-phat-trien-the-duc-the-thao-2020-213081.aspx) ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 896-NQ/ĐH, ngày 20/5/2020 của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Kết luận của Đoàn khảo sát đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

**II. Thực trạng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội**

**1. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc gia. Tiền thân là Trường Trung cấp Thể dục Thể thao thành lập năm 1961. Năm 1970 Trường được giao thêm nhiệm vụ đào tạo giáo viên âm nhạc - hội họa và đổi tên thành Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương. Năm 1981 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hoạ Trung ương. Năm 1985 được tách thành: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số I. Năm 1994 được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng Hà Nội I là đơn vị trực thuộc Trường. Tháng 5/2003 được nâng cấp thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2008 được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội tại Quyết định số 164/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Chức năng, nhiệm vụ của trường**

Trường có chức năng, nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng giáo viên thể dục cho các trường sư phạm, các trường đại học, cao đẳng và các trường phổ thông trong cả nước; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; Đào tạo cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội; Bồi dưỡng cán bộ giáo viên giáo dục thể chất cho các trường phổ thông.

**3. Cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy trường**

Cơ cấu tổ chức của trường gồm:

- Hội đồng trường.

- Ban Giám hiệu.

- Các hội đồng tư vấn.

- Tổ chức Đảng, Đoàn thể.

+ Đảng bộ Trường.

+ Công đoàn trường.

+ Đoàn thanh niên trường.

- Các đơn vị trực thuộc BGH gồm:17 đơn vị.

1/ Phòng Tổ chức nhân sự và Truyền thông.

2/ Phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên.

3/ Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra.

4/ Phòng Hành chính - Tổng hợp.

5/ Phòng Quản trị - Thiết bị.

6/ Phòng Kế hoạch tài chính.

7/ Khoa Điền kinh - Thể dục.

8/ Khoa Cầu lông - Đá cầu - Bóng bàn - Quần vợt.

9/ Khoa Các môn bóng.

10/ Khoa Võ - Bơi - Cờ vua.

11/ Khoa Lý luận.

12/ Khoa Đào tạo sau đại học.

13/ Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

14/ Trung tâm Bồi dưỡng và Tổ chức sự kiện.

15/ Trung tâm Y học vận động và Hợp tác quốc tế.

16/ Trung tâm Khoa học công nghệ và Thư viện.

17/ Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

18/Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học Hupes.

**4. Đội ngũ cán bộ, giảng viên**

Tổng số người làm việc: 247. Trong đó có 138 viên chức, 71 hợp đồng lao động, 15 HĐ 68, 23 sỹ quan biệt phái với các trình độ: Giáo sư 1; Phó Giáo sư 2; Tiến sĩ; 23; Thạc sĩ 111; Đại học 64; Cao đẳng 3; Trung cấp 8; Trình độ khác 18.

**5. Công tác đào tạo**

**5.1. Tổng số người học đăng ký dự thi, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ chính quy:**

| Đối tượng, thời gian (năm) | Số thí sinh dự tuyển  (người) | Số  trúng tuyển  (người) | Tỷ lệ cạnh tranh | Số nhập học thực tế  (người) | Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 20) | Điểm trung bình của người học được tuyển | Số lượng SV quốc tế nhập học (người) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học viên cao học** | | | | | | | |
| 2015-k3 | 53 | 42 | 1,18 | 41 | 10,0 | 11,98 | 0 |
| 2016-k4 | 80 | 65 | 1,23 | 65 | 10,75 | 13,74 | 0 |
| 2017-k5 | 50 | 50 | 1,0 | 49 | 12,0 | 14,99 | 0 |
| 2018-k6 | 55 | 55 | 1,0 | 54 | 13,0 | 16,86 | 4 |
| 2019-k7 | 58 | 52 | 1,03 | 50 | 12 | 14,8 | 4 |
| **Sinh viên đại học** | | | | | | | |
| 2015 | CQ:600 | CQ:324 | 1,09 | CQ:319 | CQ:20.5 | 18,5 | 0 |
| LTCQ:70 | LTCQ:69 | 0,47 | LTCQ:69 | LTCQ:18.0 | 17 |  |
| 2016 | CQ:501 | CQ:263 | 0,86 | CQ:263 | CQ:20 | 18,0 | 0 |
| LTCQ:138 | LTCQ:138 | 1,08 | LTCQ:138 | LTCQ:18.5 | 17 |  |
| 2017 | CQ:460 | CQ:205 | 0,99 | CQ:165 | CQ:21.5 | 19,5 | 0 |
| LTCQ:89 | LTCQ:81 | 0,96 | LTCQ:81 | LTCQ:18.5 | 18,0 |  |
| 2018 | CQ:475 | CQ:256 | 1,80 | CQ:242 | CQ:17.5 | 17,0 | 3 |
| LTCQ:105 | LTCQ:102 | 1,59 | LTCQ:102 | LTCQ:17.5 | 16,0 |  |
| 2019 | CQ:658 | CQ:323 | 2,49 | CQ:279 | CQ:16.5 | 15,8 | 4 |
| LTCQ:100 | LTCQ:86 | 1,52 | LTCQ:82 | LTCQ:17.5 | 17,1 |  |

*Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD (tính đến ngày 12/6/2020): 795 người.*

**5.2.Tổng số người học đăng ký dự thi đại học hệ không chính quy trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây**

| Năm | Số thí sinh dự tuyển  (người) | Số  trúng tuyển  (người) | Số nhập học thực tế  (người) | Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30) | Điểm trung bình của người học được tuyển | Số lượng SV quốc tế nhập học (người) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2015 | 128 | 126 | 113 | 17.5 | 17.0 | 0 |
| 2017 | 23 | 21 | 21 | 17.0 | 17.0 | 0 |
| 2019 | 130 | 122 | 122 | 17.5 | 21.6 | 0 |

**5.3. Số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây**

Đơn vị: người

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Các tiêu chí | Năm tốt nghiệp | | | | |
| 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
| 2 | Học viên tốt nghiệp cao học | 28 | 42 | 41 | 59 | 47 |
| 3 | Sinh viên tốt nghiệp đại học, Trong đó: |  |  |  |  |  |
|  | Hệ chính quy | 723 | 460 | 361 | 426 | 317 |
|  | Hệ không chính quy | 505 | 65 | 173 | 0 | 16 |

**5.4.Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy**

| Các tiêu chí | Năm tốt nghiệp | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
| 1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người) | CQ:496 | CQ:408 | CQ:347 | CQ:326 | CQ:187 |
| LT:227 | LT:52 | LT:14 | LT:100 | LT:130 |
| 2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%) | CQ:98.3 | CQ:98,8 | CQ:97,2 | CQ:95,4 | CQ:93,0 |
| LT:99,0 | LT:99,5 | LT:99,0 | LT:99,0 | LT:96,3 |

**5.5. Về công tác đào tạo Giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên**

Trung tâm GDQP-AN, đơn vị trực thuộc Trường đào tạo được gần 282.000 sinh viên, lưu lượng gần 18.000 sinh viên/năm.

**5.6.Về công tác bồi dưỡng**

Từ năm 2015 đến nay trung bình mỗi năm mở từ 4-5 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác huấn luyện thể thao; lớp nghiệp vụ công tác đoàn, đội; mở 10 khóa bồi dưỡng giảng dạy bơi lội và cứu đuối; 02 khóa bồi dưỡng cho 32 cán bộ, giảng viên nước bạn Lào; 10 khóa bồi trại hè kỹ năng cho học sinh.

**6. Về công tác nghiên cứu khoa học**

6.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của trường được nghiệm thu trong 5 năm: 108 đề tài, trong đó 05 đề tài cấp Bộ; 103 đề tài cấp trường.

6.2. Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm. Tổng số tham gia là 111, trong đó tham gia đề tài cấp Bộ: 24; Tham gia đề tài cấp trường 94.

6.3. Số lượng sách của trường được xuất bản trong 5 năm: 04 Sách giáo trình (Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 4/1482.7%).

6.4. Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách trong 5 năm: Sách chuyên khảo 01 Sách giáo trình 13.

6.5. Số lượng bài của cán bộ cơ hữu được đăng tạp chí trong 5 năm.

- Tạp chí KH quốc tế. 05, trong đó 01 bài danh mục Scopus.

- Tạp chí KH cấp Ngành trong nước: 83 bài.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 88/14859.46%.

6.7. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu 5 năm gần đây: 66 (Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 66/14844.59%).

6.8. Số lượng cán bộ cơ hữu của trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

- Hội thảo quốc tế: 11.

- Hội thảo trong nước 08.

- Hội thảo của trường 24.

6.9. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

- Đề tài cấp Bộ 01 Đề tài cấp trường 91.

- Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo (cấp toàn quốc) 17.

- Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo (cấp Trường) 25.

- Số bài báo được đăng, công trình được công bố: 56.

**7. Về công tác hợp tác quốc tế**

Bên cạnh thường xuyên giữ mối quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo CB, GV trình độ tiến sỹ, thạc sỹ chuyên ngành TDTT, giai đoạn 2015-2020, Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác thỏa thuận gồm:

- Năm 2015: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 01.

- Năm 2016: Số lượng đoàn ra 05; Số lượng đoàn vào 04.

- Năm 2017: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 01.

- Năm 2018: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 05.

- Năm 2019: Số lượng đoàn ra 03; Số lượng đoàn vào 03.

Đặc biệt đã tiếp nhận 15 lưu học sinh viên Lào sang học ở trình độ cao học và đại học; tổ chức bồi dưỡng 23 cán bộ giáo viên TDTT nước Lào.

**Chương II**

**QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, SỨ MẠNG, TẦM NHÌN**

**VÀ HỆ THỐNG GIÁ TRỊ CƠ BẢN**

**1. Quan điểm phát triển**

- Xây dựng, phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội hướng tới mục tiêu vì sự nghiệp phát triển giáo dục thể chất, TDTT.

- Phát triển nhanh, mạnh, vững chắc để trở thành cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu thị trường lao động.

- Kết hợp đào tạo với cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT,... đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật và công nghệ để phát triển.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế, tận dụng các cơ hội của thời đại hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác với các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước, quốc tế**.**

1. **Sứ mạng**

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu, ứng dụng khoa học về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

**3. Tầm nhìn**

Đến năm 2030 trở thành trường đa ngành, có uy tín cao về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng trẻ Việt Nam và khu vực.

**4. Giá trị cốt lõi**

Chuẩn mực - Trung thực - Phát triển bền vững.

**5. Triết lý giáo dục**

Nhân văn, sáng tạo, hội nhập.

**6.** **Thời cơ, thách thức đối với mục tiêu chiến lược phát triển**

**6.1. Thời cơ**

- Nhân lực chất lượng cao ngày càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển cũng như năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia, đây là một trong 3 khâu đột phá chiến lược đã được Đảng và Nhà nước xác định trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Trong đó, giáo dục nghề nghiệp ngày càng được Đảng, Nhà nước quan tâm, ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích. Đặc biệt, sự ra đời của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã tạo sự thống nhất có tính hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực giáo dục đại học phát triển.

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt khi tham gia cộng đồng ASEAN thì thị trường lao động cạnh tranh quyết liệt hơn, đòi hỏi người lao động phải có chuyên môn, kỹ năng nghề nhất định mới hy vọng có được việc làm và thu nhập ổn định. Nhận thức của xã hội về học nghề đã có nhiều chuyển biến tích cực qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục.

**6.2. Thách thức**

- Đứng trước cánh cửa hội nhập kinh tế quốc tế, yêu cầu đổi mới về mọi mặt để tồn tại và phát triển, đặc biệt là Trường phải thực hiện đổi mới hoạt động theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng của Đảng và Nhà nước trong điều kiện chưa có cơ chế, chính sách, hướng dẫn cụ thể thực hiện quyền tự chủ.

- Nhu cầu lao động chất lượng cao ngày càng lớn, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra cho Nhà trường trong thời gian tới phải đổi mới chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo giữa các cơ sở giáo dục ngày càng lớn, đòi hỏi Nhà trường phải không ngừng xây dựng và bảo vệ thương hiệu của mình. Yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo là cấp bách trong điều kiện trình độ đầu vào của học sinh còn thấp là những khó khăn sẽ gặp phải khi thực hiện các mục tiêu chiến lược.

- Do một thời gian dài, việc nâng cấp và mở mới dẫn đến hệ thống các trường sư phạm phân bố dàn trải, nguồn lực bị phân tán; Một số trường sư phạm có các khoa đào tạo thực hiện nhiệm vụ trùng với nhiệm vụ chủ chốt của trường gây nên sự chồng chéo, ảnh hưởng trực tiếp việc thu hút sinh viên. Bên cạnh đó thách thức về nguy cơ không thu hút được giảng viên giỏi, bởi dưới tác động của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa, nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao đang chảy mạnh từ các nước đang phát triển sang các nước công nghiệp phát triển. Ở trong nước, xu hướng đó đang xảy ra theo hướng từ các trường đại học đóng trên địa bàn khó khăn sang các trường đại học ở các thành phố lớn, sang các doanh nghiệp, đặc biệt đối với đội ngũ giảng viên trong các lĩnh vực công nghệ cao và ngành kinh tế mũi nhọn. …

- Áp lực từ việc mở mới mã ngành đáp ứng nhu cầu xã hội, kinh phí đầu tư trang thiết bị cho giảng dạy rất lớn, yêu cầu tự chủ trong hoạt động, ngân sách nhà nước cấp ngày càng hạn hẹp, việc hợp tác với doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế chính sách ràng buộc,... là những thách thức không nhỏ cho Nhà trường trong quá trình phát triển.

**6.3. Điểm mạnh của trường**

- Là trường có bề dày truyền thống được khẳng định được năng lực đào tạo, uy tín đối với nhân dân, người học và các đơn vị sử dụng lao động. Bên cạnh đó, được sự quan tâm đặc biệt của bộ ngành, tỉnh thành đối với sự phát triển.

- Nhà trường phát triển, đóng trên đại bàn thành phố Hà Nội có nhiều tiềm năng và lợi thế trong việc phát triển kinh tế bền vững và toàn diện. Những thuận lợi về giao thông đường bộ, đặc biệt là lợi thế đang sở hữu trên 14ha diện tích đất.

- Trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản, đúng chuyên môn, nhiều người là trọng tài quốc gia và khu vực, nhiều người có bề dày kinh nghiệm giảng dạy, huấn luyện thể thao, về thể dục đồng diễn, đạo biễn khai bế mạc đại hội TDTT.

- Chương trình đào tạo được thường xuyên điều chỉnh/cập nhật và xây dựng mới theo phương pháp tiếp cận hiện đại, chú trọng đến đạt chuẩn đầu ra. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ nên khá linh hoạt cho người học lựa chọn, đặc biệt là các chương trình đào tạo liên thông.

- Trường có quan hệ hợp tác rộng rãi với các đối tác có uy tín cả trong và ngoài nước.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau một năm tốt nghiệp cao.

**6.4. Điểm yếu của trường**

- Trường quy mô đào tạo nhỏ, đơn ngành đào tạo về giáo dục thể chất;

- Cơ cấu tổ chức quản lý chưa phù hợp với mô hình quản trị đại học hiện đại; phương pháp quản lý đào tạo vẫn chưa theo kịp đổi mới.

- Số lượng cán bộ có học hàm, học vị cao còn thiếu so với yêu cầu phát triển; Viên chức quản lí đều trưởng thành từ công tác chuyên môn, ít được đào tạo về thực tiễn quản trị đại học. Hạ tầng cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy hiện tuy được đầu tư nhưng còn thiếu.

Trước những thách thức đó, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội với vai trò, vị thế là cơ sở đào tạo đầu tiên của cả nước, phải đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sinh viên của trường đáp ứng tốt với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao, xây dựng trường ngày càng phát triển vững mạnh, góp phần đưa sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, sự nghiệp giáo dục thể chất nói riêng và TDTT phát triển xứng với quy mô, tầm vóc của đất nước.

**Chương III**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

**1. Định hướng phát triển**

**1.1. Mục tiêu chung**

Xây dựng trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà trường, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tốt việc đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có uy tín về giáo dục thể chất, TDTT; đến năm 2030 trở thành trường đa ngành, có uy tín cao về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng trẻ Việt Nam và khu vực.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về đào tạo**

- Phát triển ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển từ đào tạo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cụ thể:

+ Mở mã ngành đào tạo tiến sĩ.

+ Mở mã ngành Y học thể thao.

+ Mở mã ngành ghép môn GDQPAN với GDTC.

+ Mở trường phổ thông năng khiếu.

- Phát triển quy mô đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo:

+ Đào tạo từ 2.000-2.500 học viên, sinh viên.

+ Đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh mỗi năm từ 15.000 đến 18.000 sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.

+ Tổ chức đào tạo theo 2 hình thức: Đào tạo chính quy, Đào tạo vừa làm vừa học.

+ 100% môn học lý thuyết có bài giảng và tài liệu học tập Eleaning.

+ Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp.

+ Đảm bảo đạt tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm ở mức 80%.

+ Mở rộng hợp tác có hiệu quả với doanh nghiệp, tập đoàn về đào tạo.

**1.2.2. Về khoa học công nghệ**

- Triển khai 80 - 100 đề tài cấp cơ sở.

- Triển khai 06 - 08 đề tài cấp Bộ.

- Có 15 - 20 bài báo khoa học quốc tế.

- 100 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí.

- Trên 6 - 10 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đoạt giải toàn quốc khối các trường TDTT.

- Tổ chức 01 hội nghị khoa học quốc tế.

- Triển khai đảm bảo từ 80-95% giáo trình.

- Mỗi năm công bố 1-2 cuốn sách chuyên khảo.

- Thành lập Tạp chí GDTC&TTTH.

**1.2.3. Về hợp tác quốc tế**

- Đào tạo lưu học sinh: 15-20.

- Bồi dưỡng: 30 - 40 học viên.

- Tổ chức từ 2-3 đoàn giao lưu và thi đấu TDTT ngoài nước.

- Cử 2-3 người đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngoài nước.

- Cử 3- 5 đoàn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Ký kết từ 5- 8 đối tác về đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo.

**1.2.4. Về đảm bảo chất lượng**

- 02 chương trình đào tạo được đánh giá đạt chuẩn kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Hoàn thiện các quy trình kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài.

**1.2.5. Về phát triển đội ngũ**

- Tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10-15.

- Giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 25%.

- 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh.

- 90% viên chức quản lý đạt chuẩn theo vị trí.

- Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ: Từ 10 - 12 người; Cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ 05- 10 người; Cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 03 - 05 người; Cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: từ 300-350 lượt.

- Hoàn thiện đề án cơ cấu vị trí việc làm.

**1.2.6. Về nguồn lực tài chính**

- Thực hiện  lộ trình tự chủ của nhà trường theo quy định của Nhà nước đến năm 2025 tự chủ tài chính 40%.

- Đảm bảo nguồn thu ngoài ngân sách từ 5,0 đến 7,0 tỷ/5 năm.

**1.2.7. Về cơ sở vật chất**

Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy mô phát triển của nhà trường đạt chuẩn. Cụ thể:

- Có đầy phòng học, sân bãi dụng cụ theo quy mô đào tạo.

- Cải tạo, nâng cấp đường đi nội bộ (trục chính giai đoạn 2).

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước.

- Sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên.

- Cải tạo cảnh quan, môi trường.

- Xây mới nhà tập; sửa chữa, trang bị nâng cấp sân tập, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ phục vụ học tập.

**1.2.8. Về kết nối và phục vụ cộng đồng**

- Ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn: từ 500-800 triệu đồng.

- Chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực TDTT từ 2-3 sản phẩm cho cộng đồng.

- Bảo tồn, phát huy giá trị cộng đồng thông qua các hoạt động đào tạo phù hợp loại hình đào tạo của trường; Mở từ 4-6 lớp đào tạo miễn phí cho trẻ em, các đối tượng chính sách.

- Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng.

- Tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương.

**Chương IV**

**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHIẾN LƯỢC**

**1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tự chủ của Nhà trường**

- Xây dựng và phát huy vai trò của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của Nhà trường. Đảng ủy Nhà trường thực sự đi đầu, đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, sĩ quan, người lao động về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược.

- Quán triệt và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết về đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thay đổi nhận thức, tư duy, tạo sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, sĩ quan, người lao động hiểu rõ sứ mạng, tầm nhìn, thuận lợi khó khăn, cơ hội, thách thức và mục tiêu của trường trong giai đoạn mới để cùng nhau chung sức phát triển Nhà trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình từ khâu lựa chọn sinh viên/học viên và trong quá trình giảng dạy để đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Tăng tính tự chủ cho các đơn vị phòng, khoa, trung tâm trực thuộc, phát huy sự năng động, sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

**2. Giải pháp phát triển đào tạo**

- Rà soát, cơ cấu lại ngành nghề (chuyên sâu) đào tạo hiện có, lược bỏ các nghề không còn phù hợp, nghiên cứu thị trường và mở mới các mã ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Xác định quy mô đào tạo hợp lý, tập trung đầu tư phát triển các ngành trọng điểm, chất lượng cao, đào tạo gắn với chuyển giao công nghệ mới.

- Rà soát, xây dựng lại toàn bộ nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, khu vực, quốc tế theo từng ngành nghề và cấp độ đầu tư. Cập nhật, chuyển giao các chương trình đào tạo chất lượng cao của các nước phát triển để thực hiện trong Nhà trường. Xây dựng và thực hiện lộ trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Biên soạn lại và biên soạn mới giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun phù hợp với đào tạo nghề nghiệp.

- Đảm bảo tuyển sinh đủ chỉ tiêu theo cơ cấu ngành nghề đăng ký. Đổi mới công tác tuyển sinh, từng bước nâng cao chất lượng đầu vào tuyển sinh.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực “lấy người học làm trung tâm”; đổi mới phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả của người học. Chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và tác phong công nghiệp cho SV. Xây dựng, công bố chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành nghề đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ quy trình đảm bảo chất lượng trong Nhà trường. Xây dựng kế hoạch, lộ trình tự kiểm định hàng năm và mời các tổ chức có uy tín kiểm định chất lượng của trường.

- Đa dạng, linh hoạt các loại hình đào tạo (ngắn hạn, dài hạn, bồi dưỡng, chính quy, liên thông, vừa làm vừa học,...), tạo điều kiện để người học có nhiều cơ hội học tập ở mọi cấp trình độ, học tập suốt đời.

- Tăng cường liên kết với các học viện, đại học, có uy tín, các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn để hợp tác trong đào tạo. Gắn bó chặt chẽ công tác đào tạo của nhà trường với nhu cầu xã hội và thị trường lao động để gắn đào tạo với giải quyết việc làm cho SV.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến để phục vụ tốt cho các hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập,... đáp ứng mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử cấp trường.

- Khảo sát, tư vấn về học nghề, xây dựng kế hoạch ban đầu bảo đảm tính thực tế, chú trọng công tác tư vấn về học nghề và công tác tuyển sinh.

**3. Giải pháp đội ngũ cán bộ, giảng viên**

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của nhà trường tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phân cấp và tăng quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm.

- Rà soát đánh giá đúng thực trạng đội ngũ. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu. Từng bước tổ chức đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho giảng viên. Có kế hoạch đào tạo tài năng trẻ TDTT.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế đi đôi với thu hút, tuyển chọn cán bộ quản lý và giảng viên có trình độ chuyên môn, có năng lực và nghiệp vụ sư phạm. Ưu tiên tuyển chọn giảng viên có trình độ cao công tác tại trường.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng.

- Bảo đảm thu nhập, chế độ đãi ngộ và các tiện nghi làm việc để cán bộ, giảng viên toàn tâm toàn ý phục vụ sự nghiệp phát triển của trường. Từng bước nâng cao thu nhập của CBGV.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Bồi dưỡng nâng cao trình độ một cách căn bản và hệ thống cho giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Xây dựng cơ chế khuyến khích và bắt buộc CBGV, SV ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về trường công tác.

**4. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị**

- Sử dụng và phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để phục vụ cho giảng dạy và học tập.

- Lập các dự án, đề án xây dựng cơ sở vật chất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phục vụ cho công tác đào tạo đảm bảo theo quy định của Bộ.

- Đầu tư mua sắm thiết bị, dụng cụ dạy học.

- Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác chung tài nguyên (cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ,...).

- Xây dựng thư viện và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin mạnh và tiên tiến,... tạo điều kiện cho công tác quản lý, đào tạo.

**5. Giải pháp phát triển dịch vụ gắn với đào tạo và nguồn tài chính**

- Nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu dịch vụ của các ngành kinh tế, xã hội, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp gắn với các lĩnh vực đào tạo của trường để triển khai thực hiện dịch vụ.

- Tiếp tục duy trì các trung tâm để thực hiện dịch vụ

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình để lựa chọn khoán thí điểm thu, chi cho một số khoa.

- Chủ động đa dạng hóa nguồn thu từ đào tạo, dịch vụ khoa học, sản phẩm khoa học, hợp tác quốc tế, hỗ trợ có mục tiêu của doanh nghiệp. Chủ động tìm nguồn kinh phí ngoài nhà nước, nguồn đầu tư của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế.

- Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ. Đổi mới cơ chế, cơ cấu và phương thức phân phối tiền lương theo hướng đảm bảo công bằng và khuyến khích cán bộ, viên chức đóng góp cho sự phát triển nhà trường.

- Từng bước thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo tài chính mạnh và chủ động.

- Tăng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp thông qua việc thực hiện các chương trình dự án, xây dựng lộ thu học phí phù hợp.

- Lộ trình thực hiện tự chủ của Nhà trường

**6. Giải pháp phát triển hoạt động khoa học - công nghệ**

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên, SV về vai trò và ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong cơ sở giáo dục đại học.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, khen thưởng hợp lý đối với đội ngũ giảng viên, cán bộ có năng lực, nhiều đóng góp trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát triển khoa học và công nghệ trong SV.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn về khoa học công nghệ, các đại học, học viện, các trường liên kết, doanh nghiệp... trong việc đăng ký, triển khai thực hiện, nghiệm thu, ứng dụng các đề tài khoa học, ứng dụng công nghệ, sáng kiến vào thực tiễn....

- Phân bổ kinh phí của Trường cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ hợp lý. Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ.

- Tổ chức các phong trào cải tiến kỹ thuật, xây dựng mô hình học cụ trong Nhà trường.

**7. Giải pháp phát triển hợp tác trong nước và quốc tế**

**Tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác hợp tác quốc tế**

- Chủ động đàm phán xây dựng chương trình hợp tác quốc tế song phương, nghị định định thư hợp tác quốc tế để phía đối tác quốc tế hỗ trợ đào tạo cán bộ, sinh viên và chuyển giao công nghệ tiên tiến. Cử giảng viên tham gia các hoạt động bồi dưỡng giáo viên từ các chương trình, tổ chức quốc tế; tham gia hội thảo quốc tế ở các cơ sở giáo dục đại học, trung học, tiểu học ở các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ và trình độ chuyên môn, theo kịp xu thế vận động của giáo dục quốc tế.

- Chủ động tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác mới với nhiều cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu ở nhiều quốc gia để gia tăng mức độ quốc tế hóa và đa dạng hóa các nội dung hợp tác; tập trung nguồn lực và khai thác các lợi thế cạnh tranh để xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác quốc tế. Tiếp tục phát huy hiệu quả tích cực từ chương trình tình nguyện viên quốc tế, sự hỗ trợ của đại sứ quán các nước, trường đại học của các nước bạn trong công tác hợp tác quốc tế.

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học; chủ động thiết lập mối quan hệ với các trường đại học có uy tín trên thế giới để mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên và sinh viên. Tăng cường các hoạt động tìm kiếm chuyên gia, giảng viên, tình nguyện viên nước ngoài về làm việc tại Trường.

- Tranh thủ sự quan tâm của Cục Đào tạo với nước ngoài; Vụ hợp tác quốc (Bộ Giáo dục và Đào tạo) để tham gia vào các chương trình/dự án hợp tác quốc tế về KH&CN.

- Nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng (đặc biệt trình độ ngoại ngữ) cho đội ngũ nhân lực trực tiếp làm công tác quản lý hợp tác quốc tế.

- Đẩy mạnh hợp tác với các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, trường cao đẳng, các tổ chức, cá nhân,... trong cả nước để học tập kinh nghiệm, liên kết đào tạo và hợp tác các hoạt động khác.

- Duy trì các chương trình, dự án hợp tác quốc tế hiện có. Đa phương hóa, đa dạng hóa các loại hình hợp tác, tăng cường hội nhập quốc tế và khu vực.

- Đổi mới cơ chế hợp tác quốc tế nhằm khuyến khích các cá nhân, đơn vị, tập thể khoa học chủ động tạo dựng quan hệ hợp tác khoa học - đào tạo với đối tác nước ngoài.

**8. Giải pháp về phục vụ người học và cộng đồng**

- Thực hiện tốt công tác SV, tăng cường công tác chăm lo, phục vụ SV, thực hiện công bằng trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV.

- Tạo môi trường để SV tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học. Tổ chức tốt các hoạt động phong trào, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, khuyến khích SV tham gia các hoạt động xã hội.

- Đẩy mạnh công tác thông tin về thị trường lao động, hỗ trợ tư vấn và giới thiệu việc làm cho SV. Mở rộng quan hệ và đa dạng hóa cả về đối tác lẫn nội dung và hình thức hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước

- Thường niên tổ chức ngày hội việc làm tạo điều kiện cơ hội việc làm cho SV và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tuyển dụng.

- Tích cực tham gia các hoạt động duy trì và phát huy bản sắc, giá trị cộng đồng thông qua các hoạt động đào tạo phù hợp với các lĩnh vực đào tạo của trường; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng.

- Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng. Tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương.

- Nhân rộng các mô hình thể dục thể thao có hiệu quả

**9. Giải pháp về tuyên truyền, hướng nghiệp, tuyển sinh về hình ảnh, chất lượng đào tạo của nhà trường**

- Quảng bá, tư vấn, giới thiệu về trường.

- Hàng năm, nhà trường xây dựng và trình phê duyệt đề án phát triển về cơ sở vật chất, chương trình và giáo trình, trang thiết bị, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường về qui mô và chất lượng, tuyển sinh đào tạo.

- Kết hợp với các trường phổ thông tổ chức đón các học sinh phổ thông đến trải nghiệm, tham quan cơ sở vật chất, thiết bị và giới thiệu các ngành nghề đào tạo của trường. Thực hiện video, ấn phẩm quảng cáo, hình ảnh, các pano tuyển sinh,... và giới thiệu về trường, các ngành nghề đào tạo của trường. Đồng thời tổ chức và tham gia ngày hội tuyển sinh, ngày hội việc làm của trường để thông tin, giới thiệu về trường nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả trong công tác tuyển sinh.

- Liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện thực tập tại các doanh nghiệp cũng như nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trên Website của trường cần cập nhật thường xuyên thông tin tuyển dụng các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho sinh viên đảm bảo có việc làm ngay sau khi đào tạo. Từ đó khuyến khích, động viên tinh thần học tập, tạo điều kiện để sinh viên có thể yêu và gắn bó với nghề ngay từ khi đang học trên ghế nhà trường.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban Giám hiệu**

- Căn cứ Chiến lược phát triển trường được phê duyệt, chủ trì xây dựng lộ trình, kế hoạch cụ thể theo từng năm, 5 năm của toàn Trường để tổ chức thực hiện. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch, lộ trình cụ thể thực hiện các nội dung cho các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phát huy cao nhất tính tự chủ, sáng tạo, nội lực của Nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ. Xác định rõ các nội dung trong Chiến lược Nhà trường có thể và chủ động thực hiện được trong phạm vi, khả năng của trường; các nội dung vượt quá khả năng cần đề xuất, kiến nghị với các ngành, với Bộ quan tâm giúp đỡ.

- Hàng năm xây dựng dự trù kinh phí thực hiện các nội dung của Chiến lược đề nghị cơ quan cấp trên thẩm định xem xét quyết định; ngoài nguồn ngân sách của nhà nước, cần tích cực khai thác các nguồn kinh phí hợp pháp khác cho việc thực hiện Chiến lược.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của Chiến lược. Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược, kịp thời điều chỉnh nội dung, mục tiêu, giải pháp thực hiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của từng đơn vị trực thuộc và kết quả thực hiện các mục tiêu, nội dung Chiến lược của Nhà trường theo từng giai đoạn phát triển. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Hội đồng trường và Bộ ngành có liên quan về tình hình thực hiện chiến lược.

**2. Các đơn vị trực thuộc Trường**

- Tuân thủ hoàn toàn sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu trong việc thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chiến lược.

- Trên cơ sở kế hoạch, lộ trình chung, toàn trường thực hiện các mục tiêu Chiến lược, chức năng nhiệm vụ được giao; các phòng, khoa, trung tâm chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể và triển khai thực hiện đạt kết quả.

**PHẦN KẾT LUẬN**

Việc xây dựng và phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là rất cần thiết, góp phần quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp của đất nước.

Chiến lược phát triển của Trường đã tập trung xác định mở rộng ngành nghề, quy mô đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh của Nhà trường; phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đa ngành, có uy tín cao về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng trẻ Việt Nam và khu vực.

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 với những mục tiêu và giải pháp cụ thể trong kế hoạch chiến lược là nhiệm vụ hết sức to lớn và nặng nề, tập thể cán bộ, viên chức, sĩ quan, người lao động Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội phải quyết tâm đoàn kết cùng nhau, năng động, sáng tạo; tận dụng thời cơ, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những mặt còn hạn chế, vượt qua thách thức để thực hiện thắng lợi chiến lược đã đề ra, góp phần quan trọng đưa giáo dục nước nhà phát triển./.

**PHỤ LỤC**

**CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KPIs**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu chiến lược** | **Giải pháp chiến lược** | **KPIs, chỉ tiêu** |
| Công tác đào tạo | Phát triển ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển từ đào tạo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội.  Đổi mới công tác giảng dạy và quản lý Chất lượng kiến thức, chuyên môn, kĩ năng và phẩm chất đạo đức của người học khi tốt nghiệp từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế | + Mở mã ngành đào tạo tiến sĩ.  + Mở mã ngành Y học thể thao.  + Mở mã ngành ghép môn GDQPAN với GDTC.  + Mở trường phổ thông năng khiếu.  - Phát triển quy mô đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo:  + Đào tạo từ 2.000-2.500 học viên, sinh viên;  + Đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh mỗi năm từ 15.000 đến 18.000 sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.  + Tổ chức đào tạo theo 2 hình thức: Đào tạo chính quy, Đào tạo vừa làm vừa học - 100% môn học lý thuyết có bài giảng và tài liệu học tập Eleaning.  + Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp.  + Đảm bảo đạt tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm ở mức 80%  + Mở rộng hợp tác có hiệu quả với doanh nghiệp, tập đoàn về đào tạo. |
| Công tác nghiên cứu khoa học | Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học đảm bảo các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học – công nghệ có khả năng ứng dụng và triển khai, có tính hiệu quả về mặt kinh tế – xã hội, làm nền tảng cho công tác đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo. | - Triển khai 80 - 100 đề tài cấp cơ sở  - Triển khai 06 - 08 đề tài cấp Bộ;  - Có 15 - 20 bài báo khoa học quốc tế;  - 100 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí;  - Trên 6 - 10 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đoạt giải toàn quốc khối các trường TDTT.  - Tổ chức 01 hội nghị khoa học quốc tế  - Triển khai đảm bảo từ 80-95% giáo trình  - Mỗi năm công bố 1-2 cuốn sách chuyên khảo.  - Thành lập Tạp chí GDTC&TTTH. |
| Công tác phát triển đội ngũ | Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. Đội ngũ cán bộ giảng viên có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. | - Tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10-15.  - Giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 25%,  - 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh.  - 90% viên chức quản lý đạt chuẩn theo vị trí.  - Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ: Từ 10 - 12 người; Cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ 05- 10 người; Cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 03 - 05 người; Cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: từ 300-350 lượt.  - Hoàn thiện đề án cơ cấu vị trí việc làm. |
| Công tác hợp tác quốc tế và đối ngoại | Tăng cường hợp tác quốc tế, trọng tâm là Trung quốc và các nước Asean. | - Đào tạo lưu học sinh: 15-20.  - Bồi dưỡng: 30-40 HV  - Tổ chức từ 2-3 đoàn giao lưu và thi đấu TDTT ngoài nước.  - Cử 2-3 người đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngoài nước.  - Cử 3- 5 đoàn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.  - Ký kết từ 5- 8 đối tác về đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo. |
| Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo | Nâng cao công tác đảm bảo chất lượng | - 02 chương trình đào tạo được đánh giá đạt chuẩn kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia.  - Hoàn thiện các quy trình kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài. |
| Công tác đầu tư cơ sở vật chất | Từng bước đầu tư cơ sở vật chất. Hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi TDTT đồng bộ và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ | - Có đầy phòng học, sân bãi dụng cụ theo quy mô đào tạo.  - Cải tạo, nâng cấp đường đi nội bộ (trục chính giai đoạn 2).  - Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước;  - Sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên.  - Cải tạo cảnh quan, môi trường;  - Xây mới nhà tập; sửa chữa, trang bị nâng cấp sân tập, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ phục vụ học tập. |
| Công tác nguồn lực tài chính | Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính. Đa dạng hóa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính | - Thực hiện lộ trình tự chủ của nhà trường theo quy định của Nhà nước đến năm 2025 tự chủ tài chính 40%.  - Đảm bảo nguồn thu ngoài ngân sách từ 5,0 đến 7,0 tỷ/5 năm. |
| Công tác phục vụ cộng đồng | Xây dựng cơ chế quản lý có đoen vị phụ trách; Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng. | - Ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn: từ 500-800 triệu đồng.  - Chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực TDTT từ 2-3 sản phẩm cho cộng đồng.  - Bảo tồn, phát huy giá trị cộng đồng thông qua các hoạt động đào tạo phù hợp loại hình đào tạo của trường; Mở từ 4-6 lớp đào tạo miễn phí cho trẻ em, các đối tượng chính sách.  - Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng.  - Tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương. |